

Số: 08/2026/QĐST-KDTM

Phú Thọ, ngày 19 tháng 6 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2025/TLST – KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2); Địa chỉ: Số H, ngõ A, đường T, phố A, phường H, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ giao dịch: Tầng A Tòa nhà T, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Tiến L – Chuyên viên xử lý nợ.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty Cổ phần K; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị H – Chức vụ: Giám đốc.

2.2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

2.3. Ông Lưu Thanh H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về khoản vay:

1.1. Công ty Cổ phần K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền tính đến ngày 11/6/2026 là: 2.343.537.732 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm ba hai đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là: 1.793.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 310.932.423 đồng, nợ lãi quá hạn: 137.285.366 đồng.

Kể từ ngày 12/6/2026, Công ty Cổ phần K tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo các Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HDTD2002021427 ngày 16/8/2021; nhận nợ tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2002021427 ngày 16/8/2021; Hợp đồng tín dụng số HDTD2002023750 ngày 10/10/2023, nhận nợ tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2002023750/03 ngày 18/6/2024 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2002023750/04 ngày 11/7/2024, ký kết giữa Ngân hàng L2 với Công ty Cổ phần K cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

1.2. Ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền tính đến ngày 11/6/2026 là: 525.542.258 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm năm tám đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là: 469.865.251 đồng, nợ lãi trong hạn: 54.052.228 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.624.779 đồng.

Kể từ ngày 12/6/2026, ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H phải tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2002024840 ngày 23/10/2024, nhận nợ tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KUNN2002024840/01 ngày 24/10/2024, ký kết giữa Ngân hàng L2 với ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần K, ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H không thanh toán đầy đủ số tiền cho L2, L2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như sau:

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 172, tờ bản đồ số 21 tại tổ D (phường T cũ), phường T, tỉnh Phú Thọ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV401062, số vào sổ cấp GCN: 02254 do Sở TN và MT tỉnh H cấp ngày 30/09/2020, chủ sở hữu: hộ bà Đinh Thị T. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 498/2020/HDTC/CNHOABINH ngày 12/10/2020 ký giữa bà Đinh Thị T với Ngân hàng L2; Hợp đồng sửa đổi bổ sung – Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDBS 01-498/2020/HDTC/CNHOABINH ngày 13/9/2023 ký giữa bà Đinh Thị T, ông Lưu Thanh H1, bà Đinh Thị H với Ngân hàng L2).

1.4. Trường hợp Công ty Cổ phần K không thanh toán đầy đủ số tiền cho L2, L2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như sau:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU; số loại D-MAX LS; loại xe: xe ô tô tải (PICKUP cabin kép); số máy LY7124; số khung: MPATFS85JET009818; Biển số 28C-050.91; màu xe: Bạc; chỗ ngồi: 05; Năm sản xuất, nước sản xuất: 2014, Thái Lan – Chủ sở

hữu tài sản là CTCP Kiến trúc K (Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC2002021427 ngày 16/8/2021 ký giữa Ngân hàng L2 với Công ty Cổ phần K).

+ 01 Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, Số loại: Landcruiser; thương hiệu Nhật Bản, sản xuất năm 2015; Biển kiểm soát: 28A-163.26 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 28 009337 do Phòng C công an tỉnh H (Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC2002022269 ngày 07/06/2022 ký giữa Ngân hàng L2 với Công ty Cổ phần K).

Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán trả nợ thì Ngân hàng L2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần K, ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H để tiếp tục thu hồi nợ.

2. Về án phí: Đồng bị đơn Công ty Cổ phần K, ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H tự nguyện chịu số tiền 44.690.799đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn bảy trăm chín chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2) số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005563 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đồng bị đơn - Công ty CP K, ông Lưu Thanh H1 và bà Đinh Thị H tự nguyện liên đới chịu toàn bộ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12 – Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Quỳnh Anh